

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2019/QĐST-HNGĐ

Diễn châu, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1988.

Trú tại: Khối 3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1989.

Trú tại: Khối 3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1954.

Trú tại: Khối 3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1960.

Trú tại: Khối 3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị B là ông Nguyễn Công S (theo giấy ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2019).

3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982.

Trú tại: Xóm 1, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

4. Anh Trần Văn Tr. Sinh năm 1969.

Trú tại: Khối 3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

5. Anh Cao Đức S sinh năm 1981.

Trú tại: Khối 3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

6. Chị Trần Thị L, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm 2, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

7. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964.

Trú tại: Khối N, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An.

8. Bà Cao Thị M, sinh năm 1959.

Trú tại: Khối 5, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Công T và chị Phạm Thị Ng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Công T và chị Phạm Thị Ng thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 17/02/2008; Nguyễn Công D, sinh ngày 01/09/2015 cho anh Nguyễn Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao 01 con chung Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 01/09/2015 cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Ng cho đến khi anh T có yêu cầu.

Anh Nguyễn Công T, chị Phạm Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Công S và bà Trần Thị B được sở hữu và sử dụng đất và 01 ngôi nhà 2 tầng có mái che xây dựng năm 2017 diện tích sử dụng khoảng hơn 100m² được xây dựng trên phần diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 786580 tại tờ bản đồ số 03, số thửa 67 diện tích 186 m² mang tên hộ ông bà Trần Thị B - Nguyễn Công S, địa chỉ tại khối 3 Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nhưng ông Nguyễn Công S và bà Trần Thị B có nghĩa vụ giao lại cho vợ chồng anh Nguyễn Công T và chị Phạm Thị Ng số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) (Trong đó giao cho anh Nguyễn Công T 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng) và giao cho chị Phạm Thị Ng 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng)) tiền trích chia tài sản.

- Giao anh Nguyễn Công T được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm có: 01 tivi vi thông nhất giá trị 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); 01 giường thông

nhất trị giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); 01 tủ giày trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); 01 bếp ga trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Anh Nguyễn Công T được nhận số tiền do ông Nguyễn Công S và bà Trần Thị B giao lại là 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng) tiền trích chia tài sản.

Chị Phạm Thị Ng được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm có: 01 xe máy SH1251 biển kiểm soát 37F2-54864; số khung 7300GY107861, số máy JF73B0107939 mang tên Nguyễn Công T hiện chị Ng đang sử dụng, tiền mặt là 50.000.000 đồng hiện nay chị Ng đang cất giữ và chị Ng được nhận 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) (Tiền trích chia tài sản của vợ chồng) do ông Nguyễn Công S và bà Trần Thị B có nghĩa vụ giao lại cho chị Ng.

- Về nợ: Anh Nguyễn Công T có nghĩa vụ trả nợ cho những người có tên sau đây: Anh Nguyễn Văn L số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Anh Trần Văn Tr 1 cây vàng giá trị 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng); Anh Cao Đức S số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Chị Trần Thị L số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Anh Nguyễn Văn Th số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng); Bà Cao Thị M số tiền 27.428.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi tám). Tổng cộng 208.428.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng).

- Về án phí: Anh Nguyễn Công T và chị Phạm Thị Ng thỏa thuận anh Nguyễn Công T phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí thuận tình ly hôn, 5.539.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí trích chia tài sản vợ chồng và 2.605.000 đồng (Hai triệu sáu trăm linh năm ngàn đồng) tiền án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng anh T phải chịu 8.219.000 đồng (Tám triệu hai trăm mười chín ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004617 tại chi cục thi hành án dân sự huyện D ngày 24 tháng 4 năm 2019. Anh T còn phải nộp tiếp 7.919.000 đồng (Bảy triệu chín trăm mười chín ngàn đồng).

Chị Phạm Thị Ng phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí thuận tình ly hôn, 5.375.000 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí trích chia tài sản vợ chồng và 2.605.000 (Hai triệu sáu trăm linh năm ngàn đồng) tiền án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng chị Phạm Thị Ng phải chịu 8.055.000 đồng (Tám triệu không trăm lăm mươi lăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.800.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D biên lai số 0004689 ngày 21 tháng 6 năm 2019. Trả lại cho chị Phạm Thị Ng khoản tiền án phí còn thừa 28.745.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Miễn tiền án phí về nghĩa vụ giao tài sản cho ông Nguyễn Công S. Xét giảm khoản tiền án phí cho Bà Trần Thị B 50% bà Bắc còn phải nộp 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí nghĩa vụ giao tài sản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- UBND Thị trấn D;
- CCTHADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Đình Lâm

